

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09/10/2019

“V/v Tranh chấp ly hôn,
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phước

2. Ông Trương Hoàng Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 595/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 7 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:***

Chị và anh L tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013 đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L uống rượu đánh bài về chửi bới vợ con nên chị bỏ đi sống ly thân anh L từ hai năm nay không có liên lạc gì với nhau.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Con chung: có hai cháu Nguyễn Văn A1, sinh ngày 01/4/2013; Nguyễn Văn A1, sinh ngày 03/12/2014. Chị đồng ý giao anh L tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 9 năm 2019 bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Anh và chị D xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013 đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B do cả hai đều tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2016 phát sinh mâu thuẫn thường xuyên gây gổ cãi vã nhau, chị D bỏ đi sinh sống ở đâu anh cũng không biết, vợ chồng không liên lạc với nhau, chị D cũng không về thăm con. Nay chị D xin ly hôn anh đồng ý thuận tình vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: có hai cháu như chị D khai là đúng anh nuôi dưỡng các cháu từ khi chị D bỏ đi đến nay, anh đề nghị được nuôi hai con chung không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019 anh L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ D. Con chung: Giao anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt và đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh L tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013 đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01/2014 ngày 16 tháng 7 năm 2014) nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Chị D xin ly hôn anh L cũng đồng ý thuận tình nhưng không đến Tòa làm việc mà làm đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa không tiến hành hòa giải được. Tại Tòa chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh L.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh L đã thực sự trầm trọng, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và tự sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay, cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, xử cho chị D được ly hôn anh L.

[3]. Về con chung: Có hai cháu Nguyễn Văn A1, sinh ngày 01/4/2013; Nguyễn Văn A2, sinh ngày 03/12/2014.

Xét thấy từ năm 2016 đến nay anh L là người trực tiếp nuôi con, các cháu được anh L nuôi dưỡng tốt, chị D cũng xác định anh L nuôi dưỡng con tốt nên đồng ý giao anh L tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn. Vì vậy cần giao hai cháu A1 và A2 cho anh L nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Anh L nuôi con không yêu cầu chị D cấp dưỡng nên không xét.

[4]. Về tài sản chung: Chị D và anh L đều khai tài sản chung không có nên không xét.

[6]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[7]. Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về hôn nhân : Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ D, xử cho chị D được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2- Về con chung : Giao hai cháu Nguyễn Văn A1, sinh ngày 01/4/2013; Nguyễn Văn A2, sinh ngày 03/12/2014 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng.

Tạm thời, chị Nguyễn Thị Mỹ D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Mỹ D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3- Tài sản chung, nợ chung : Không xét.

4- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005372 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị D đã nộp đủ án phí.

4- Chị Nguyễn Thị Mỹ D được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn L được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. Long Thành (1);
- Chi cục THADS h. Long Thành (1);
- UBND xã B,
- GCNKH số 71 ngày 16/7/2014 (1);
- Đương sự (2);
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phụng

TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- VKS huyện Long Thành;
- Thi hành án huyện Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu V.P – H.S;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN**

Đỗ Thị Nhung

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh ĐN
- VKS
- THA
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

Đỗ Thị Nhung

